

Bảng dữ liệu sản phẩm

1146 Series — BÁNH XE ĐÔI CÀNG NHỰA ASCENDANT

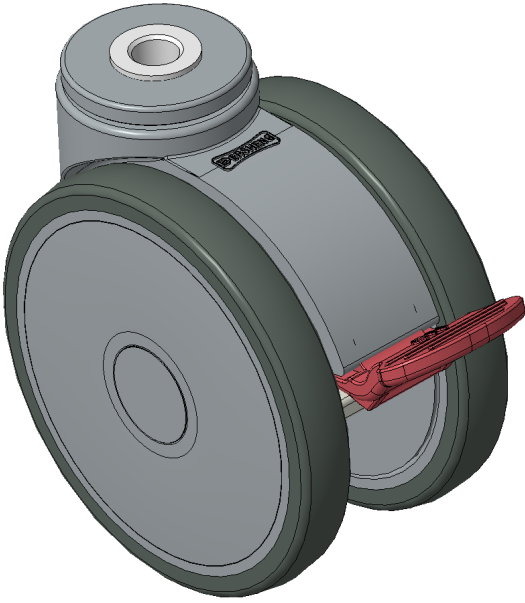
Resolute Rubber wheel (cửa sổ màu xám đậm) Đường kính bánh xe × Chiều rộng bánh xe 100 x 18mm

EAN  
KS-11460491459463

Bánh xe đôi ngắn, chân polyamide rỗng, đỉnh tán—rỗng 10,5  
Chân màu xám cửa sổ/xám đậm được gia cố bằng polyamide  
Đỉnh tán rỗng với bề mặt kẽm trắng, thiết bị lắp khóa  
Lõi bánh xe bằng polypropylen chống va đập, bề mặt bánh xe bằng nhựa nhiệt dẻo đàn hồi (TPR)  
Vòng bi bánh xe màu xám cửa sổ/xám đậm—vòng bi chính xác

Bề mặt bánh xe: Cao su nhiệt dẻo đàn hồi (TPR)  
Lõi bánh xe: Được làm bằng polypropylen chống va đập chất lượng cao

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

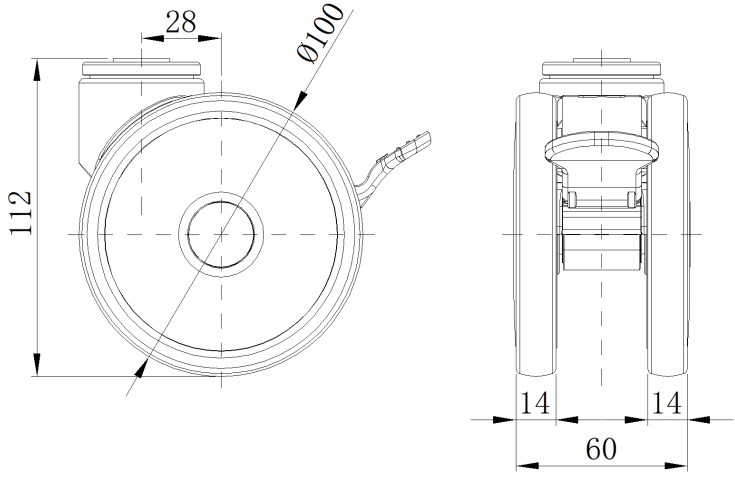
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 100mm                       |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 060mm                       |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| đường kính rivethead trống                                                | 10.5mm                      |
| Độ lệch tâm                                                               | 28mm                        |
| Sự can thiệp quay                                                         | 205mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 112mm                       |
| Bán kính xoay                                                             | 102.5mm                     |
| Độ cứng                                                                   | 72±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 90kgs                       |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 135kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +60°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Khóa đôi                    |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 0.37kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22881                    |

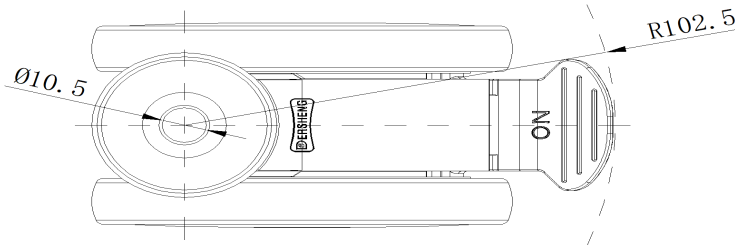
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | • • • • • |
| Chế độ im lặng       | • • • • • |
| Bảo vệ mặt sàn       | • • • • • |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước lỗ trơn/ lỗ giữa



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét